

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
QUẬN Ô
THÀNH PHỐ CẦN THƠ**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 68/2020/HSST
Ngày: 22-10-2020

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN Ô, THÀNH PHỐ CẦN THƠ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Thúy Hằng

Các Hội thẩm nhân dân:

1/ Ông Dương Văn Nghiêm

2/ Bà Phạm Thị Bích Vân

- Thư ký phiên tòa: Bà Phan Thị Như Ngọc – Thư ký Tòa án nhân dân quận Ô, thành phố Cần Thơ.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Ô tham gia phiên tòa: Ông Lê Thanh Đồi - Kiểm sát viên.

Trong ngày 22 tháng 10 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Ô, thành phố Cần Thơ xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số: 75/2020/TLST-HS ngày 02 tháng 10 năm 2020 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 77/2020/QĐXXST-HS ngày 08 tháng 10 năm 2020 đối với bị cáo:

1) **Phan Ngọc L**, sinh năm 1978. Nơi sinh: Đ.

Nơi đăng ký thường trú: Ấp T, xã T, thành phố C, tỉnh Đồng Tháp.

Nghề nghiệp: làm thuê; Trình độ học vấn (văn hóa): 07/12; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: kinh; Giới tính: nam; Tôn giáo: không; Con ông Nguyễn Ngọc A, sinh năm 1953 (chết) và bà Phan Thị A, sinh năm 1954 (sống); Anh chị em ruột có 05 người, sinh năm 1985; Họ tên vợ Võ Thị N, sinh năm 1988; Con có 03 người, lớn nhất sinh năm 2007, nhỏ nhất sinh năm 2019;

Tiền án: không; Tiền sự: không.

Bị can bị áp dụng biện pháp ngăn chặn: Bắt tạm giam ngày 11/6/2020 và bị tạm giam đến nay tại Nhà tạm giữ Công an quận Ô.

Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

2) **Hà Văn N**, sinh năm 1953. Nơi sinh: Cần Thơ.

Nơi đăng ký thường trú: Khu vực T, phường T, quận Ô, thành phố Cần Thơ.

Nghề nghiệp: làm thuê; Trình độ học vấn (văn hóa): 03/12; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: kinh; Giới tính: nam; Tôn giáo: không; Con ông Hà Văn H (chết) và bà Nguyễn Thị T (chết); Anh chị em ruột có 02 người (chết); Họ tên vợ Nguyễn Thị M, sinh năm 1952 (sống); Con có 04 người, lớn nhất sinh năm 1979, nhỏ nhất sinh năm 1987;

Tiền án: không; Tiền sự: không.

Bị can bị áp dụng biện pháp ngăn chặn: Lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú.

Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

3) **Nguyễn Hoàng F**, sinh năm 1983. Nơi sinh: Kiên Giang.

Nơi đăng ký thường trú: Ấp T, xã H, huyện G, tỉnh Kiên Giang.

Nghề nghiệp: làm thuê; Trình độ học vấn (văn hóa): 07/12; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: kinh; Giới tính: nam; Tôn giáo: không; Con ông Nguyễn Văn A, sinh năm 1954 (sống) và bà Nguyễn Thị N, sinh năm 1955 (sống); Anh chị em ruột có 05 người, lớn nhất sinh năm 1977, nhỏ nhất sinh năm 1987; Họ tên vợ Phạm Tố K, sinh năm 1986 (sống); Con có 01 người, sinh năm 2008;

Tiền án: không; Tiền sự: không.

Bị can bị áp dụng biện pháp ngăn chặn: Bắt tạm giam ngày 11/6/2020 và bị tạm giam đến nay tại Nhà tạm giữ Công an quận Ô.

Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

- *Người bào chữa cho bị cáo Nguyễn Hoàng F:*

Ông **Lê Văn C** - Luật sư của Văn phòng luật sư Năm C, thuộc Đoàn luật sư thành phố Cần Thơ. (Có mặt)

- *Nguyên đơn dân sự: Công ty TNHH MTV Hamaco P.*

Đại diện theo pháp luật: Ông **Phan Ngọc Y** – Chức vụ: Giám đốc.

Trụ sở chính: Số 55, đường T, phường H, quận N, thành phố Cần Thơ.

Đại diện theo ủy quyền: Anh **Nguyễn Văn T**, sinh năm 1977. (Giấy ủy quyền ngày 10/10/2020)

Địa chỉ: Số 126/31, đường Trần Quang D, phường A, quận B, thành phố Cần Thơ.

- *Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:*

1) Anh **Nguyễn Phương N**, sinh năm 1974.

Địa chỉ: Số 157, đường Lê Hồng P, khu vực 3, phường T, quận B, thành phố Cần Thơ.

2) Anh **Trương Phước H**, sinh năm 1968.

3) Chị **Nguyễn Thị H**, sinh năm 1971.

Cùng địa chỉ: Tổ 9, khu vực 02, phường T, quận B, thành phố Cần Thơ.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Hà Văn N là bảo vệ tại Kho T – Lô 2, 18A khu công nghiệp T, phường P, quận Ô, thành phố Cần Thơ thuộc Công ty trách nhiệm hữu hạn Một thành viên Hamaco p (Công ty Hamaco p) và Phan Ngọc L và Nguyễn Hoàng F là công nhân bốc vác của công ty Hamaco P. Cả ba bị can đã cấu kết cùng nhau trộm cắp dầu nhớt (nhớt) của Công ty Hamaco P, cụ thể như sau:

Lần thứ nhất: Khoảng tháng 02/2020 L điện thoại cho N nói cho L lấy trộm vài xô nhớt (dầu nhớt) của công ty Hamaco P bán lấy tiền điều trị bệnh cho con của L đang nằm bệnh viện, thì N đồng ý (L và N không nhớ rõ ngày lấy trộm). Đến khoảng 23 giờ L điều khiển xe mô tô 65N1-6226 đi đến Công ty Hamaco P và dựng xe bên ngoài hàng rào, trèo vào bên trong. Lúc này N nằm võng gần chốt bảo vệ và hỏi sao lấy trộm nhớt được thì L nói “tôi lấy được” và L kêu N cứ nằm võng để L tự đi lấy. Khoảng 30 phút sau L mang 04 thùng (xô) nhớt hiệu Total, màu vàng, loại 18 lít ra đến nơi N đang nằm võng rồi kêu N mở cổng để L dẫn xe vào chở nhớt. L sử dụng xe mô tô biển số 65N-6226 chở nhớt đến nhà Trương Phước H, sinh năm 1968, thuộc tổ 9, khu vực 2, phường T, quận B, thành phố Cần Thơ gặp H hỏi có mua nhớt không thì H đồng ý mua, sau đó, H điện thoại cho Nguyễn Phương N, sinh năm 1971, ĐKTT: số 12, đường Hồ T, phường T, quận B, thành phố Cần Thơ hỏi N có mua nhớt không thì N đồng ý mua với giá 700.000 đồng/một xô nhớt và H đồng ý mua nhớt của L với giá 650.000 đồng/một xô nhớt. L đồng ý bán cho H 04 xô nhớt với giá

2.600.000 đồng và hẹn sáng hôm sau sẽ trả tiền, H bán lại cho N 04 xô nhót trên với số tiền 2.800.000 đồng. Đến khoảng 5 giờ sáng hôm sau L đến nhà H nhận tiền bán nhót thì gặp vợ H là Nguyễn Thị H đưa L 2.600.000 ; L đến Công ty Hamaco P và kêu N ra ngoài đưa cho N 300.000 đồng. Số còn lại 2.300.000 đồng L giữ tiêu xài cá nhân.

Lần thứ hai: cách lần thứ nhất khoảng 03 ngày thì đến ca trực bảo vệ của N. Khoảng 22 giờ L điện thoại cho N hỏi N trực cổng trên hay cổng dưới, N nói là trực cổng trên (cổng chính). L nói để L vào lấy trộm nhót tiếp và bán chia tiền thì N đồng ý. L điện thoại rủ F cùng trộm thì F đồng ý. Sau đó L điều khiển xe mô tô 65N-6226 và F điều khiển xe mô tô biển số 68G1-21561 cùng đến Công ty Hamaco P. Lúc này N mở cổng Công ty cho L và F chạy vào bên trong rồi để xe cặp bên chốt bảo vệ. L và F đi vào kho Công ty trộm nhót mang ra, N đứng canh đường, khi có người sẽ báo động và tắt camera giám sát của Công ty. L lấy được 04 thùng, F lấy được 04 thùng cùng màu đỏ, hiệu Total loại 18 lít mang ra để cặp hàng rào gần chốt bảo vệ rồi L và F dùng 02 xe mô tô trên cùng chở 08 thùng (xô) nhót đến bán cho H được 4.800.000 đồng (H mua 600.000 đồng/một thùng). Đến khoảng 5 giờ sáng hôm sau L đến nhà H nhận tiền bán nhót thì được vợ H là Nguyễn Thị H đưa 4.800.000 đồng rồi đến Công ty chia cho F 1.300.000 đồng. Khi gặp N thì L nói nhót lấy trộm hôm qua để ở bụi cây sậy và bị công an thu giữ nên L không đưa tiền cho N mà giữ lại 3.500.000 đồng để tiêu xài cá nhân.

Lần thứ ba: cách lần thứ hai khoảng 3 ngày khoảng 22 giờ L điện thoại cho N nói là để L vào Công ty lấy trộm nhót bán và chia tiền thì N đồng ý. L tiếp tục điện thoại rủ F cùng trộm, thì F đồng ý rồi hẹn gặp tại cổng chào khu công nghiệp T. Sau khi gặp L và F vẫn điều khiển hai xe mô tô trên cùng đến Công ty Hamaco P. Khi F và L vừa đến thì N mở cổng Công ty để L và F vào trong. Cũng tương tự như lần thứ hai, nhót được lấy trộm là 06 thùng (xô) màu vàng, hiệu Total loại 18 lít; 02 thùng (can) màu xám, hiệu Total loại 18 lít; 02 thùng giấy đựng loại can nhỏ, màu xám. L và F mang ra để cặp hàng rào Công ty rồi F ra bên ngoài, L và N bên trong hàng rào chuyển nhót ra cho F. Xong L và F tiếp tục dùng 02 xe mô tô trên chở tất cả nhót vừa trộm được đến bán cho H và để nhót tại nhà bếp của H. Lần này H đồng ý mua tất cả số nhót với giá 5.500.000 đồng. Đến khoảng 5 giờ ngày hôm sau L đến nhà H gặp Nguyễn Thị H là vợ H nhận tiền rồi đến Công ty chia cho F 1.200.000 đồng, chia cho N 1.100.000 đồng, L giữ lại 3.200.000 đồng tiêu xài cá nhân.

Lần thứ tư: cách lần thứ ba khoảng 3 ngày, khoảng 21 giờ 30 phút L điện thoại cho N nói để L tiếp tục vào Công ty trộm nhớt bán rồi chia tiền cho N, N nói “sao lấy hoài vậy” L trả lời “giám đốc đổi liên tục không ai biết đâu” nên N đồng ý. Khoảng 10 phút sau L đến trước Công ty và trèo rào vào trong, N nằm võng xem điện thoại. L đi vào kho lấy trộm được 04 thùng (xô) nhớt màu đỏ, hiệu Total, loại 18 lít đi ra và nói với N là đã lấy xong thì N nói “ừ”. L dùng xe mô tô trên chỗ đến bán cho H với giá 500.000 đồng/xô nhớt. Đến sáng hôm sau L đến nhà H để nhận tiền thì gặp Nguyễn Thị H đưa cho L 2.000.000 đồng. L đến chia tiền cho N 600.000 đồng, L giữ lại 1.400.000 đồng tiêu xài cá nhân.

Ngoài ra, Hà Văn N khai nhận cùng Phan Ngọc L lấy trộm thêm của Công ty Hamaco P 04 lần, Người lấy trộm là L, N phụ trách canh đường, mở cổng cho L thực hiện. Số lượng lấy mỗi lần bao nhiêu, nhớt loại gì, màu gì thì N không nhớ rõ, chỉ khoảng 05 thùng (xô) nhớt hiệu Total màu vàng, loại 18 lít; 01 can dầu nhớt Total màu xám, loại 18 lít; 01 thùng giấy chứa dầu nhớt trong can nhỏ 4x5 lít loại Rubia và 10 thùng dầu nhớt màu xám, hiệu Total loại 18 lít. Sau khi bán xong L chia tiền cho N được 900.000 đồng. Số tiền còn lại do L tự cất giữ bao nhiêu thì N không biết. Tuy nhiên L không thừa nhận có cùng N thực hiện 04 lần trộm cắp này nên không xác định được số tiền L bán được bao nhiêu và thu lợi bất chính là bao nhiêu.

Tại Bản kết luận định giá tài sản số 24/KLĐG ngày 23/4/2020 của Hội đồng định giá tài sản quận Ô kết luận:

Giá 11 thùng màu đỏ chứa dầu nhớt nhãn hiệu TOTAL RUBIA XT có chữ HMC thể tích mỗi thùng 18 lít có cấp độ 20W-50, chưa qua sử dụng là 812.452 đồng/thùng x 11 thùng = 8.936.972 đồng (*Tám triệu chín trăm ba mươi sáu ngàn chín trăm bảy mươi hai đồng*).

Giá 01 thùng màu đỏ chứa dầu nhớt nhãn hiệu TOTAL RUBIA XT có chữ HMC thể tích mỗi thùng 18 lít có cấp độ 20W-40, chưa qua sử dụng là 806.553 đồng/thùng x 01 thùng = 806.553 đồng (*Tám trăm lẻ sáu ngàn năm trăm năm mươi ba đồng*).

Giá 15 thùng màu vàng chứa dầu nhớt nhãn hiệu TOTAL RUBIA TIR 7400 có chữ HMC thể tích mỗi thùng 18 lít, tất cả thùng nhớt đều có cấp độ 20W-50, chưa qua sử dụng là 888.719 đồng/thùng x 15 thùng = 13.330.785 đồng (*Mười ba triệu ba trăm ba mươi ngàn bảy trăm tám mươi lăm đồng*).

Giá 10 thùng màu xám chứa dầu nhớt nhãn hiệu TOTAL RUBIA TIR 6400 có chữ HMC thể tích mỗi thùng 18 lít, tất cả thùng nhớt đều có cấp độ 20W-40, chưa qua sử dụng là $876.342 \text{ đồng/thùng} \times 10 \text{ thùng} = 8.763.420 \text{ đồng}$ (Tám triệu bảy trăm sáu mươi ba ngàn bốn trăm hai mươi đồng).

Giá 03 can màu xám chứa dầu nhớt nhãn hiệu TOTAL RUBIA FLEET HD 500 có chữ HMC thể tích mỗi thùng 18 lít, tất cả thùng nhớt đều có cấp độ 20W-50, chưa qua sử dụng là $859.425 \text{ đồng/thùng} \times 3 \text{ thùng} = 2.578.275 \text{ đồng}$ (Hai triệu năm trăm bảy mươi tám ngàn hai trăm bảy mươi lăm đồng).

Giá 01 thùng giấy chứa dầu nhớt nhãn hiệu RUBIA TIR 6400 4x5 lít, có cấp độ 20W-50 chưa qua sử dụng là $996.000 \text{ đồng/thùng} \times 1 \text{ thùng} = 996.000 \text{ đồng}$ (Chín trăm chín mươi sáu ngàn đồng).

Giá 02 thùng giấy chứa dầu nhớt nhãn hiệu RUBIA TIR 6400 4x5 lít, có cấp độ 15W-40 chưa qua sử dụng là $1.063.782 \text{ đồng/thùng} \times 2 \text{ thùng} = 2.127.564 \text{ đồng}$ (Hai triệu một trăm hai mươi bảy ngàn năm trăm sáu mươi bốn đồng).

Tổng giá trị tài sản vào thời điểm xảy ra vụ trộm cắp tài sản (tháng 02/2020) là 37.539.569 đồng (Ba mươi bảy triệu năm trăm ba mươi chín ngàn năm trăm sáu mươi chín đồng).

Vật chứng thu giữ gồm: 11 thùng màu đỏ chứa dầu nhớt nhãn hiệu TOTAL RUBIA XT có chữ HMC thể tích mỗi thùng 18 lít có cấp độ 20W-50, chưa qua sử dụng; 01 thùng màu đỏ chứa dầu nhớt nhãn hiệu TOTAL RUBIA XT có chữ HMC thể tích mỗi thùng 18 lít có cấp độ 20W-40, chưa qua sử dụng; 14 thùng màu vàng chứa dầu nhớt nhãn hiệu TOTAL RUBIA TIR 7400 có chữ HMC thể tích mỗi thùng 18 lít, tất cả thùng nhớt đều có cấp độ 20W-50, chưa qua sử dụng; 10 thùng màu xám chứa dầu nhớt nhãn hiệu TOTAL RUBIA TIR 6400 có chữ HMC thể tích mỗi thùng 18 lít, tất cả thùng nhớt đều có cấp độ 20W-40, chưa qua sử dụng; 02 can màu xám chứa dầu nhớt nhãn hiệu TOTAL RUBIA FLEET HD 500 có chữ HMC thể tích mỗi thùng 18 lít, tất cả thùng nhớt đều có cấp độ 20W-50, chưa qua sử dụng; 01 thùng giấy chứa dầu nhớt nhãn hiệu RUBIA TIR 6400 4x5 lít, có cấp độ 20W-50 chưa qua sử dụng; 02 thùng giấy chứa dầu nhớt nhãn hiệu RUBIA TIR 6400 4x5 lít, có cấp độ 15W-40 chưa qua sử dụng do Nguyễn Phương N giao nộp.

01 thùng nhớt màu xám hiệu TOTAL RUBIA FLEET HD 500, loại 18 lít;
01 thùng nhớt màu vàng hiệu TOTAL RUBIA TIR 7400, loại 18 lít do anh Nguyễn Văn T giao nộp.

01 điện thoại di động nhãn hiệu Samsung Galaxy J2 Prime, màu hồng, số IMEI1: 353319/09/153456/7, số IMEI2: 353320/09/153456/5 có gắn sim số 0919145037 đã qua sử dụng – tạm giữ của Trương Phước H.

01 điện thoại di động nhãn hiệu Nokia màu đen, số seri: 354492093012145, có gắn sim số 0939298884 đã qua sử dụng – tạm giữ của Hà Văn N.

01 điện thoại di động nhãn Nokia màu đen số seri 357698100035997 có gắn sim số 0776609121 đã qua sử dụng; 01 xe mô tô BKS: 68G1-215.61, nhãn hiệu Honda, loại xe Future, số máy: JC54E-1093650, số khung: RLHJC5354DY060984 đã qua sử dụng – tạm giữ của Nguyễn Hoàng F.

01 điện thoại di động Nokia màu đen số seri1: 356018085603746, số seri2: 356018085603753, có gắn sim số 0973910240 và sim số 0769332506 đã qua sử dụng; 01 xe mô tô BKS: 65N1-6226, nhãn hiệu honda, loại xe Future neo, màu đỏ - đen, số máy: VME152FMHC102809, số khung: RMEWCHMME7A102809, đã qua sử dụng.

Đối với Trương Phước H là người trực tiếp đồng ý và thỏa thuận giá mua nhớt từ L, Nguyễn Thị H là người trực tiếp trả tiền cho L khi Nguyễn Phương N đã đồng ý mua nhưng cả hai không biết tài sản là do L trộm cắp có được để bán lại. Nguyễn Phương N là người trực tiếp mua lại nhớt từ H và N không biết H mua nhớt của L do trộm cắp có được nên không đủ cơ sở truy cứu trách nhiệm đối với N, H và H.

Về trách nhiệm dân sự: Anh Nguyễn Văn T đại diện Công ty Hamaco P xin được nhận lại tài sản Cơ quan điều tra đang tạm giữ, ngoài ra không yêu cầu gì thêm; anh Nguyễn Phương N không yêu cầu anh Trương Phước H trả lại tiền đã mua nhớt.

Tại Cáo trạng số 73/CT-VKSOM ngày 01 tháng 10 năm 2020 Viện Trưởng Viện kiểm sát nhân dân quận Ô, thành phố C đã truy tố ra trước Tòa án nhân dân quận Ô, thành phố C để xét xử Phan Ngọc L, Hà Văn N và Nguyễn Hoàng F về tội “Trộm cắp tài sản” theo Khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa:

Kiểm sát viên thực hành quyền công tố, kiểm sát xét xử sơ thẩm trình bày lời luận tội: Giữ nguyên quan điểm truy tố đối với bị cáo theo tội danh và điều luật đã nêu trong cáo trạng. Qua đó, có phân tích về tính chất, mức độ hành vi phạm tội của các bị cáo, về nhân thân cũng như tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với các bị cáo, đề nghị Hội đồng xét xử:

+ Áp dụng: Khoản 1, khoản 5 Điều 173; điểm i khoản 1 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 38 Bộ luật hình sự; Xử phạt bị cáo Phan Ngọc L mức án tù 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng đến 03 (ba) năm tù. Đề nghị áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo số tiền 10.000.000 đồng (*Mười triệu đồng*).

+ Áp dụng: Khoản 1, khoản 5 Điều 173; điểm i khoản 1 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 38 Bộ luật hình sự; Xử phạt bị cáo Hà Văn N mức án tù 02 (hai) năm đến 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng tù. Đề nghị áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo số tiền 5.000.000 đồng (*Năm triệu đồng*).

+ Áp dụng: Khoản 1, khoản 5 Điều 173; điểm i khoản 1 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 38 Bộ luật hình sự; Xử phạt bị cáo Nguyễn Hoàng F mức án tù 01 (một) năm đến 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù. Đề nghị áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo số tiền 5.000.000 đồng (*Năm triệu đồng*).

Về xử lý vật chứng áp dụng: Điều 47, 48 Bộ luật hình sự; Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự đề nghị:

- Trả lại cho Công ty TNHH MTV Hamaco P: 11 thùng màu đỏ chứa dầu nhớt nhãn hiệu TOTAL RUBIA XT có chữ HMC thể tích mỗi thùng 18 lít có cấp độ 20W-50, chưa qua sử dụng; 01 thùng màu đỏ chứa dầu nhớt nhãn hiệu TOTAL RUBIA XT có chữ HMC thể tích mỗi thùng 18 lít có cấp độ 20W-40, chưa qua sử dụng; 14 thùng màu vàng chứa dầu nhớt nhãn hiệu TOTAL RUBIA TIR 7400 có chữ HMC thể tích mỗi thùng 18 lít, tất cả thùng nhớt đều có cấp độ 20W-50, chưa qua sử dụng; 10 thùng màu xám chứa dầu nhớt nhãn hiệu TOTAL RUBIA TIR 6400 có chữ HMC thể tích mỗi thùng 18 lít, tất cả thùng nhớt đều có cấp độ 20W-40, chưa qua sử dụng; 02 can màu xám chứa dầu nhớt nhãn hiệu TOTAL RUBIA FLEET HD 500 có chữ HMC thể tích mỗi thùng 18 lít, tất cả thùng nhớt đều có cấp độ 20W-50, chưa qua sử dụng; 01 thùng giấy chứa dầu nhớt nhãn hiệu RUBIA TIR 6400 4x5 lít, có cấp độ 20W-50 chưa qua sử dụng; 02 thùng giấy chứa dầu nhớt nhãn hiệu RUBIA TIR 6400 4x5 lít, có cấp độ 15W-40 chưa qua sử dụng do Nguyễn Phương N giao nộp; 01 thùng nhớt màu xám hiệu TOTAL RUBIA FLEET HD 500, loại 18 lít; 01 thùng

nhót màu vàng hiệu TOTAL RUBIA TIR 7400, loại 18 lít do anh Nguyễn Văn T đại diện Công ty TNHH MTV Hamaco P giao nộp.

- Trả lại cho anh Trương Phước H: 01 điện thoại di động nhãn hiệu Samsung Galaxy J2 Prime, màu hồng, số IMEI1: 353319/09/153456/7, số IMEI2: 353320/09/153456/5 có gắn sim số 0919145037 đã qua sử dụng;

- Tịch thu sung quỹ Nhà nước những công cụ, phương tiện dùng vào việc phạm tội: 01 điện thoại di động nhãn hiệu Nokia màu đen, số seri: 354492093012145, có gắn sim số 0939298884 đã qua sử dụng của Hà Văn N; 01 điện thoại di động nhãn Nokia màu đen số seri 357698100035997 có gắn sim số 0776609121 đã qua sử dụng của Nguyễn Hoàng F; 01 xe mô tô BKS: 68G1-215.61, nhãn hiệu Honda, loại xe Future, số máy: JC54E-1093650, số khung: RLHJC5354DY060984 đã qua sử dụng của Nguyễn Hoàng F; 01 điện thoại di động Nokia màu đen số seri 1: 356018085603746, số seri 2: 356018085603753, có gắn sim số 0973910240 và sim số 0769332506 đã qua sử dụng của Phan Ngọc L; 01 xe mô tô BKS: 65N1-6226, nhãn hiệu Honda, loại xe Future neo, màu đỏ - đen, số máy: VME152FMHC102809, số khung: RMEWCHMME7A102809, đã qua sử dụng của Phan Ngọc L.

- Buộc bị cáo Phan Ngọc L giao nộp sung vào ngân sách Nhà nước số tiền 10.400.000 đồng (*Mười triệu bốn trăm ngàn đồng*); buộc bị cáo Hà Văn N giao nộp sung vào ngân sách Nhà nước số tiền 2.900.000 đồng (*Hai triệu chín trăm ngàn đồng*); buộc bị cáo Nguyễn Hoàng F giao nộp sung vào ngân sách Nhà nước số tiền 2.500.000 đồng (*Hai triệu năm trăm ngàn đồng*) là tiền thu lợi bất chính do các bị cáo phạm tội mà có.

Về trách nhiệm dân sự: Ghi nhận việc Công ty TNHH MTV Hamaco P (có anh Nguyễn Văn T là đại diện) chỉ xin nhận lại tài sản, không yêu cầu bồi thường gì thêm; anh Nguyễn Phương N không yêu cầu anh Trương Phước H trả lại tiền đã mua nhót.

- Người bào chữa cho bị cáo Nguyễn Hoàng F trình bày lời bào chữa: Thống nhất tội danh và điều luật truy tố bị cáo F theo nội dung cáo trạng và lời luận tội của Kiểm sát viên tại phiên tòa. Tuy nhiên, bị cáo chỉ thực hiện hành vi trộm cắp tài sản hai lần đầu do bị cáo L rủ, đến lần thứ tư bị cáo L có điện thoại rủ bị cáo F đi trộm nữa nhưng bị cáo F đã biết sai biết phạm pháp nên đã tự ý nữa chừng chấm dứt không tiếp tục phạm tội nữa, vì vậy đại diện Viện kiểm sát áp dụng tình tiết tăng nặng là chưa thỏa đáng. Bị cáo L là tổ trưởng tổ bốc xếp,

bị cáo F bị lệ thuộc bị cáo L, gia đình khó khăn nên khi bị cáo L rủ bị cáo F đi trộm nhót thì bị cáo F đồng ý, quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo F thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải nên đề nghị xem xét. Hơn nữa, bị cáo F là người có nhân thân tốt do đã hoàn thành nghĩa vụ quân sự và xuất ngũ, bị cáo đã bị tạm giam hơn 04 tháng nên đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng mức hình phạt thấp nhất cho bị cáo là 06 tháng tù, khi đó bị cáo chỉ còn chấp hành hơn 01 tháng nên đề nghị xem xét thời gian tạm giam hơn 2/3 thời gian chấp hành hình phạt để trả tự do cho bị cáo F.

Về trách nhiệm dân sự: Nguyên đơn dân sự - Công ty TNHH MTV Hamaco P (có anh Nguyễn Văn T là đại diện) xin nhận lại tài sản, ngoài ra không yêu cầu gì thêm.

- Bị cáo F thống nhất lời bào chữa của người bào chữa, không có ý kiến bổ sung.
- Kiểm sát viên giữ nguyên quan điểm truy tố và luận tội.
- Nguyên đơn dân sự không yêu cầu gì thêm.
- Các bị cáo thừa nhận hành toàn bộ hành vi phạm tội và xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi tố tụng, quyết định tố tụng của Cơ quan cảnh sát điều tra – Công an quận Ô, điều tra viên trong quá trình điều tra vụ án; của Viện kiểm sát nhân dân Quận Ô, Kiểm sát viên trong giai đoạn điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo và những người tham gia tố tụng không có người nào khiếu nại về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng trong vụ án. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện hợp pháp.

[2] Về căn cứ kết tội: Lời khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của bị cáo tại phiên tòa; lời khai của bị cáo thể hiện tại các biên bản ghi lời khai, biên bản hỏi cung bị can; Biên bản tiếp nhận nguồn tin về tội phạm ngày 03/4/2020; Biên bản nhận dạng; Biên bản đối chất; Biên bản khám nghiệm hiện trường ngày 14/4/2020, 26/5/2020; Sơ đồ hiện trường; Bản ảnh hiện trường; Bản ảnh vật

chứng; Bản ảnh nhận dạng; Bản kết luận định giá tài sản số 24/KLĐG ngày 23/4/2020 của Hội đồng định giá tài sản quận Ô; Biên bản ghi lời khai, vật chứng thu giữ và các tài liệu, chứng cứ khác thu thập trong hồ sơ vụ án. Đủ cơ sở kết luận:

Vào khoảng tháng 02 năm 2020, bị cáo Phan Ngọc L điện thoại cho bị cáo Hà Văn N nói cho L lấy trộm vài xô nhớt (dầu nhờn) của Công ty trách nhiệm hữu hạn Một thành viên Hamaco P (Công ty Hamaco P) bán lấy tiền điều trị bệnh cho con của L đang nằm bệnh viện thì N đồng ý, cả hai thực hiện hành vi lấy trộm nhớt lần thứ nhất được 04 thùng (xô). Lần thứ hai: cách lần thứ nhất khoảng ba ngày, L điện thoại cho N hỏi N trực cổng trên hay cổng dưới, N nói là trực cổng trên (cổng chính), L nói để L vào lấy trộm nhớt tiếp và bán chia tiền thì N đồng ý, L gọi điện thoại rủ bị cáo Nguyễn Hoàng F cùng trộm thì F đồng ý nên cả ba thực hiện hành vi lấy trộm nhớt lần thứ hai được 08 thùng (xô). Lần thứ ba: cách lần thứ hai khoảng ba ngày, L điện thoại cho N nói là để L vào Công ty lấy trộm nhớt bán và chia tiền thì N đồng ý. L tiếp tục điện thoại rủ F cùng trộm, thì F đồng ý, cả ba lấy trộm được 10 thùng (06 thùng (xô), 02 thùng (can) và 02 thùng giấy). Lần thứ tư: cách lần thứ ba khoảng ba ngày, L điện thoại cho N nói để L tiếp tục vào Công ty trộm nhớt bán rồi chia tiền cho N, N nói “sao lấy hoài vậy” L trả lời “giám đốc đòi liên tục không ai biết đâu” thì N đồng ý, cả hai lấy trộm được 04 thùng (xô).

Khi lấy trộm nhớt, L điều khiển xe mô tô 65N1-6226, F điều khiển xe mô tô biển số 68G1-21561 cùng đến Công ty Hamaco P rồi kêu N mở cổng để cả hai vào Công ty trộm nhớt mang ra. N là người đứng canh đường, khi có người sẽ báo động và tắt camera giám sát của Công ty. Lấy trộm xong, L và F tiếp tục dùng 02 xe mô tô trên chở tất cả nhớt vừa trộm được đến nhà Trương Phước H, H điện thoại cho Nguyễn Phương N, N đồng ý mua thì H đồng ý mua. Sau khi lấy trộm nhớt xong L và F đều chở nhớt đến nhà H để bán, sáng hôm sau L đến nhà H nhận tiền rồi lấy tiền chia cho N và F tiêu xài cá nhân.

Ngoài ra, N khai nhận cùng L lấy trộm thêm của Công ty Hamaco P 04 lần, người lấy trộm là L, N phụ trách canh đường, mở cổng cho L thực hiện. Lấy trộm khoảng 05 thùng (xô) nhớt hiệu Total màu vàng, loại 18 lít; 01 can dầu nhờn Total màu xám, loại 18 lít; 01 thùng giấy chứa dầu nhờn trong can nhỏ 4x5 lít loại Rubia và 10 thùng dầu nhờn màu xám, hiệu Total loại 18 lít. Sau khi bán xong L chia tiền cho N được 900.000 đồng (*Chín trăm ngàn đồng*). Số tiền còn lại do L tự cất giữ bao nhiêu thì N không biết. L không thừa nhận có cùng N

thực hiện 04 lần trộm cắp này nên không xác định được số tiền L bán được bao nhiêu và thu lợi bất chính là bao nhiêu.

Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa hôm nay, Trương Phước H khai nhận, khoảng giữa tháng 02 năm 2020 đến giữa tháng 3 năm 2020 L là người chở nhót đến bán cho H từ 08 đến 10 lần, khi L có nhót thì điện thoại hỏi H để bán nhót cho H, H điện thoại cho Nguyễn Phương N, hỏi N có mua nhót không và mua với giá thế nào, N đồng ý mua thì H mới đồng ý mua của L rồi đem bán lại cho N. L là người chở nhót đến nhà H, thỏa thuận giá bán và là người đến nhà H nhận tiền đã bán nhót cho H. Đồng thời, N khai nhận mua nhót của H từ 08 đến 10 lần, khi mua bán H và N không biết đó là tài sản do L trộm cắp mà có. Điều này phù hợp với lời khai của bị cáo N, bị cáo F và phù hợp với vật chứng thu giữ được, đủ cơ sở chứng minh bị cáo L đã cùng bị cáo N thực hiện hành vi trộm nhót của Công ty Hamaco P tổng cộng là 08 lần.

Theo Bản kết luận định giá tài sản số 24/KLĐG ngày 23/4/2020 của Hội đồng định giá tài sản quận Ô kết luận: Tổng giá trị tài sản thu giữ được vào thời điểm xảy ra vụ trộm cắp tài sản (tháng 02/2020) là 37.539.569 đồng (*Ba mươi bảy triệu năm trăm ba mươi chín ngàn năm trăm sáu mươi chín đồng*).

Hành vi của các bị cáo đủ yếu tố cấu thành tội “Trộm cắp tài sản” được quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự. Viện kiểm sát nhân dân quận Ô truy tố các bị cáo theo tội danh và điều luật nêu trên là hoàn toàn có cơ sở, đúng người, đúng tội.

[3] Về tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội: Hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã trực tiếp xâm phạm đến quyền sở hữu về tài sản hợp pháp của công dân được pháp luật bảo vệ, tác động xấu đến tình hình an ninh trật tự tại địa phương. Các bị cáo là người đã trưởng thành, có đủ khả năng nhận thức hành vi, các bị cáo biết rõ việc trộm cắp tài sản của người khác là hành vi vi phạm pháp luật nhưng vẫn cố ý thực hiện. Các bị cáo có khả năng lao động để tạo thu nhập hợp pháp nhưng chỉ vì tham lam, muốn có tiền nhanh chóng để phục vụ nhu cầu cá nhân nên các bị cáo đã thực hiện hành vi phạm tội nhiều lần.

Xét thấy, các bị cáo có vai trò đồng phạm trong thực hiện hành vi phạm tội nhưng ở mức độ giản đơn, vì vậy Hội đồng xét xử xem xét mức án tương xứng với tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội do các bị cáo gây ra.

Do đó, để giáo dục răn đe các bị cáo, góp phần đấu tranh phòng chống tội phạm, cần cách ly các bị cáo khỏi đời sống xã hội một thời gian để cải tạo, giáo dục các bị cáo trở thành người có ích cho gia đình và xã hội, sống đặt mình trong khuôn khổ pháp luật.

[4] Về các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Các bị cáo đã phạm tội từ 02 lần trở lên đây là tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự.

Trong quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa thể hiện: bị cáo L chưa có thái độ thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; tuy nhiên, bị cáo phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, bị cáo là lao động chính trong gia đình và hiện đang nuôi con dưới 36 tháng tuổi nên Hội đồng xét xử xem xét đây là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo được quy định tại điểm i khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự; Bị cáo N đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, bị cáo phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, hoàn cảnh gia đình bị cáo khó khăn, bị cáo là lao động chính trong gia đình, bị cáo đang nuôi vợ và con bị bệnh không có khả năng lao động nên Hội đồng xét xử xem xét đây là những tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo được quy định tại điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự; Bị cáo F đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, bị cáo phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, bị cáo có nhân thân tốt nên Hội đồng xét xử xem xét đây là những tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo được quy định tại điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự.

Do đó, Hội đồng xét xử xem xét để cân nhắc hình phạt đối với các bị cáo để thể hiện tính nhân đạo, khoan hồng của pháp luật.

Người bào chữa cho bị cáo F thống nhất nội dung Cáo trạng của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân quận Ô cũng như quan điểm luận tội của Kiểm sát viên tại phiên tòa là phù hợp.

Đối với ý kiến của Người bào chữa cho bị cáo F: Tự ý nữa chừng chấm dứt việc phạm tội là tự mình không thực hiện tội phạm đến cùng nhưng bị cáo F đã cùng với bị cáo L và bị cáo N thực hiện xong hành vi trộm cắp nhót 02 lần đem đi bán và chia tiền ra để tiêu xài cá nhân hết nên đối với quan điểm này của người bào chữa là chưa phù hợp với quy định pháp luật. Việc đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng hình phạt dưới mức thấp nhất của khung hình phạt là 06 tháng tù

đối với bị cáo F là chưa phù hợp với tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội của bị cáo F nên Hội đồng xét xử không chấp nhận.

[5] Về trách nhiệm dân sự: Nguyên đơn dân sự (có anh Nguyễn Văn T đại diện) xin nhận lại tài sản, ngoài ra không yêu cầu gì thêm nên không đặt ra xem xét.

Đối với số tiền anh Nguyễn Phương N mua nhót từ anh Trương Phước H, anh N không yêu cầu anh H trả lại nên không đặt ra xem xét.

[6] Về hình phạt bổ sung: Căn cứ vào khoản 5 Điều 173 Bộ luật hình sự, xét thấy cần áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với các bị cáo theo đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa nêu trên là phù hợp nên được chấp nhận.

[7] Về vật chứng của vụ án: Theo đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa nêu trên là có cơ sở, phù hợp quy định pháp luật nên được chấp nhận.

[8] Về án phí hình sự sơ thẩm: Các bị cáo phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Tuyên bố: Phan Ngọc L, Hà Văn N, Nguyễn Hoàng F phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

Áp dụng: Khoản 1, khoản 5 Điều 173; Điểm i khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 38 Bộ luật hình sự đối với Phan Ngọc L.

Áp dụng: Khoản 1, khoản 5 Điều 173; Điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 38; Điều 17 Bộ luật hình sự đối với đối với Hà Văn N.

Áp dụng: Khoản 1, khoản 5 Điều 173; Điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 38; Điều 17 Bộ luật hình sự đối với Nguyễn Hoàng F.

Xử phạt: Phan Ngọc L 02 năm 06 tháng tù.

Thời gian chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 11/6/2020.

Về hình phạt bổ sung: Bị cáo phải nộp số tiền 10.000.000 đồng (*Mười triệu đồng*) sung vào công quỹ nhà nước.

Xử phạt: Hà Văn N 02 năm tù.

Thời gian chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo chấp hành án.

Về hình phạt bổ sung: Bị cáo phải nộp số tiền 5.000.000 đồng (*Năm triệu đồng*) sung vào công quỹ nhà nước.

Xử phạt: Nguyễn Hoàng F 01 năm tù.

Thời gian chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 11/6/2020.

Về hình phạt bổ sung: Bị cáo phải nộp số tiền 5.000.000 đồng (*Năm triệu đồng*) sung vào công quỹ nhà nước.

Về xử lý vật chứng: Áp dụng: Điều 47, 48 Bộ luật hình sự; Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự:

- Trả lại cho Công ty TNHH MTV Hamaco P: 11 thùng màu đỏ chứa dầu nhòn nhãn hiệu TOTAL RUBIA XT có chữ HMC thể tích mỗi thùng 18 lít có cấp độ 20W-50, chưa qua sử dụng; 01 thùng màu đỏ chứa dầu nhòn nhãn hiệu TOTAL RUBIA XT có chữ HMC thể tích mỗi thùng 18 lít có cấp độ 20W-40, chưa qua sử dụng; 14 thùng màu vàng chứa dầu nhòn nhãn hiệu TOTAL RUBIA TIR 7400 có chữ HMC thể tích mỗi thùng 18 lít, tất cả thùng nhớt đều có cấp độ 20W-50, chưa qua sử dụng; 10 thùng màu xám chứa dầu nhòn nhãn hiệu TOTAL RUBIA TIR 6400 có chữ HMC thể tích mỗi thùng 18 lít, tất cả thùng nhớt đều có cấp độ 20W-40, chưa qua sử dụng; 02 can màu xám chứa dầu nhòn nhãn hiệu TOTAL RUBIA FLEET HD 500 có chữ HMC thể tích mỗi thùng 18 lít, tất cả thùng nhớt đều có cấp độ 20W-50, chưa qua sử dụng; 01 thùng giấy chứa dầu nhòn nhãn hiệu RUBIA TIR 6400 4x5 lít, có cấp độ 20W-50 chưa qua sử dụng; 02 thùng giầu chứa dầu nhòn nhãn hiệu RUBIA TIR 6400 4x5 lít, có cấp độ 15W-40 chưa qua sử dụng do Nguyễn Phương N giao nộp; 01 thùng nhớt màu xám hiệu TOTAL RUBIA FLEET HD 500, loại 18 lít; 01 thùng nhớt màu vàng hiệu TOTAL RUBIA TIR 7400, loại 18 lít do anh Nguyễn Văn T đại diện Công ty TNHH MTV Hamaco P giao nộp.

- Trả lại cho anh Trương Phước H: 01 điện thoại di động nhãn hiệu Samsung Galaxy J2 Prime, màu hồng, số IMEI1: 353319/09/153456/7, số IMEI2: 353320/09/153456/5 có gắn sim số 0919145037 đã qua sử dụng;

- Tịch thu sung quỹ Nhà nước: 01 điện thoại di động nhãn hiệu Nokia màu đen, số seri: 354492093012145, có gắn sim số 0939298884 đã qua sử dụng của Hà Văn N; 01 điện thoại di động nhãn Nokia màu đen số seri 357698100035997 có gắn sim số 0776609121 đã qua sử dụng của Nguyễn Hoàng F; 01 xe mô tô BKS: 68G1-215.61, nhãn hiệu Honda, loại xe Future, số máy: JC54E-1093650, số khung: RLHJC5354DY060984 đã qua sử dụng của Nguyễn Hoàng F; 01 điện thoại di động Nokia màu đen số seri 1: 356018085603746, số seri 2: 356018085603753, có gắn sim số 0973910240 và sim số 0769332506 đã qua sử dụng của Phan Ngọc L; 01 xe mô tô BKS: 65N1-6226, nhãn hiệu Honda, loại xe Future neo, màu đỏ - đen, số máy: VME152FMHC102809, số khung: RMEWCHMME7A102809, đã qua sử dụng của Phan Ngọc L.

(Vật chứng hiện đang được Chi cục Thi hành án dân sự quận Ô quản lý theo biên bản giao, nhận vật chứng ngày 02/10/2020 của Công an quận Ô)

- Bị cáo Phan Ngọc L phải nộp số tiền 10.400.000 đồng (*Mười triệu bốn trăm ngàn đồng*); bị cáo Hà Văn N phải nộp số tiền 2.900.000 đồng (*Hai triệu chín trăm ngàn đồng*); bị cáo Nguyễn Hoàng F phải nộp số tiền 2.500.000 đồng (*Hai triệu năm trăm ngàn đồng*) sung vào ngân sách nhà nước.

Về án phí sơ thẩm: Áp dụng Khoản 2 Điều 135 và khoản 2 Điều 136 của Bộ luật tố tụng hình sự; Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án:

Mỗi bị cáo phải nộp 200.000 đồng (*Hai trăm ngàn đồng*) án phí hình sự sơ thẩm.

Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bị cáo có mặt được quyền kháng cáo bản án. Đối với đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai, để xin Tòa án nhân dân thành phố Cần Thơ xét xử lại vụ án theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân

sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- TAND TP. Cần Thơ;
- VKSND TP. Cần Thơ;
- VKSND Q. Ô;
- Chi cục THADS Q. Ô;
- Công an Q. Ô;
- Sở Tư pháp TP. Cần Thơ;
- Bị cáo;
- Người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ vụ án.

Lê Thị Thúy Hằng